

2026년 군산시
외국인주민
생활 가이드북

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SINH HOẠT
DÀNH CHO CƯ DÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
TẠI THÀNH PHỐ GUNSAN NĂM 2026

2026년 외국인주민 생활가이드북 언어별 PDF 다운로드

Tải Sổ tay Hướng dẫn sinh hoạt dành cho cư dân người nước
ngoài tại thành phố Gunsan năm 2026 theo ngôn ngữ (PDF)



영어
English



중국어
中文



베트남어
Tiếng Việt



인도네시아어
Bahasa Indonesia



우즈베크어
O'zbek tili

목 차

2026 Gunsan City Guidebook for Foreign Residents Living



01	군산시 소개	04
02	외국인등록과 체류	10
03	근로와 노무	12
04	유학생 관련 정보	14
05	건강과 의료	16
06	임신과 출산	22
07	육아와 보육	24
08	한국어 교육	28
09	생활법률	30
10	기타정보	32
11	생활편의	36



Mục lục

2026 Gunsan City Guidebook for Foreign Residents Living



01	Giới thiệu về thành phố Gunsan	05
02	Đăng ký người nước ngoài và cư trú	11
03	Lao động và làm việc	13
04	Thông tin dành cho du học sinh	15
05	Sức khỏe và y tế	17
06	Mang thai và sinh con	23
07	Nuôi dạy và chăm sóc trẻ	25
08	Học tiếng Hàn	29
09	Pháp luật trong đời sống	31
10	Thông tin khác	33
11	Tiện ích sinh hoạt	37

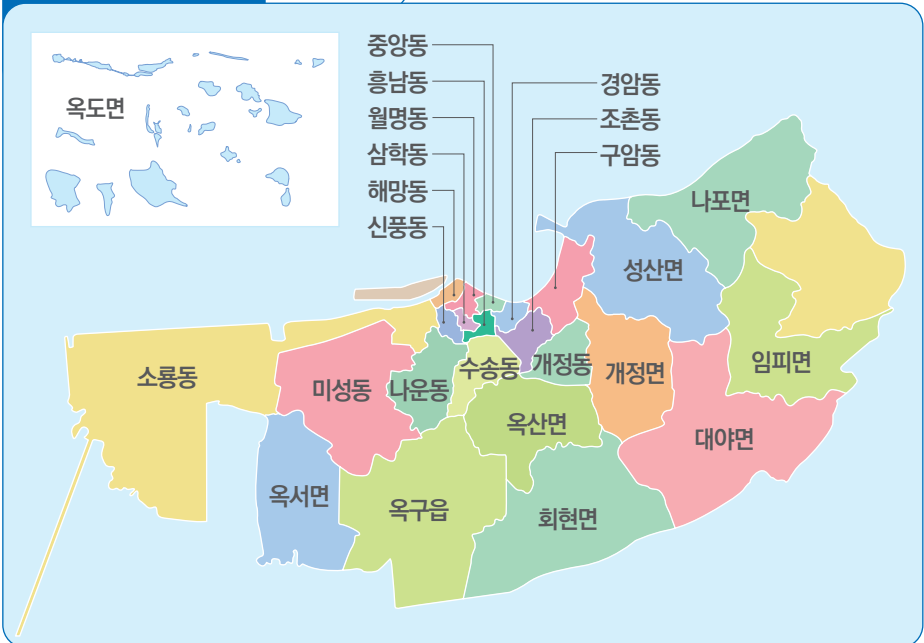
01 군산시 소개

군산시는 전북특별자치도 서해안에 위치한 항구도시로, 새만금 개발의 중심지입니다. 새만금 산업단지를 기반으로 물류와 산업 활동이 발달하였으며, 고군산 군도와 다양한 해양 관광자원, 그리고 근대개항기 건축물이 남아있어 산업·관광·역사·자원이 함께 공존하는 도시입니다.

- 인 구** 256,291명(남 130,039명, 여 126,252명)
- 2025년 12월말 기준
- 면 적** 399.4km²(새만금 포함)
- 2024년 12월말 기준
- 행정구역** 27개 읍·면·동(1읍 10면 16동)



군산시 행정구역 지도



01 Giới thiệu về thành phố Gunsan

Thành phố Gunsan là một thành phố cảng nằm ở bờ biển phía Tây thuộc Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk, đồng thời là trung tâm của dự án phát triển Saemangeum. Hoạt động logistics và công nghiệp tại đây phát triển dựa trên khu công nghiệp Saemangeum. Bên cạnh đó, thành phố còn sở hữu quần đảo Gogunsan, nhiều tài nguyên du lịch biển đa dạng, cùng với các công trình kiến trúc từ thời kỳ mở cảng hiện đại vẫn còn được lưu giữ. Đây là thành phố hội tụ công nghiệp, du lịch, lịch sử và cả tài nguyên.

Dân số 256.291 người (nam: 130.039 người, nữ: 126.252 người)

– tính đến cuối tháng 12 năm 2025

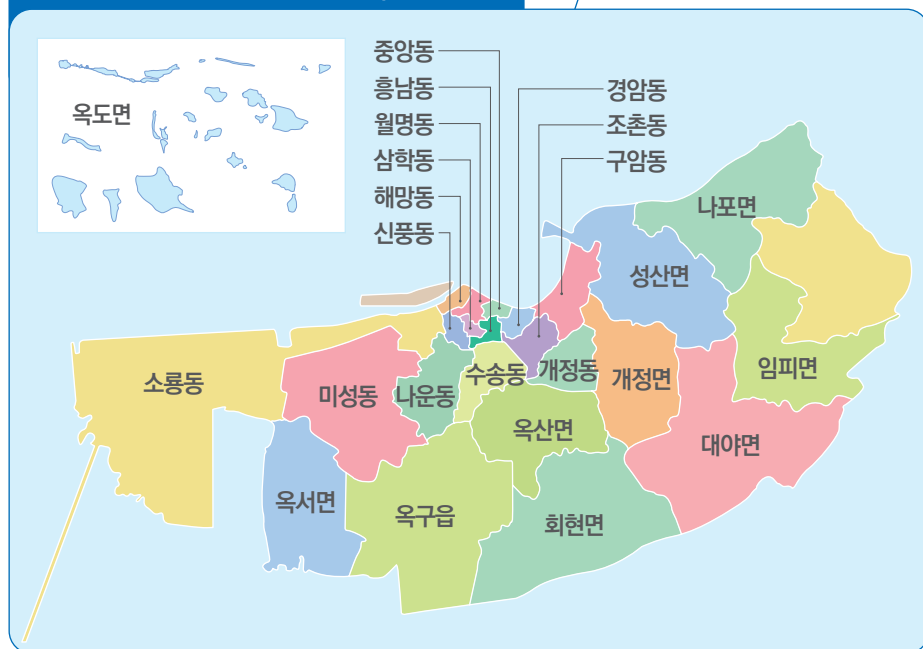
Diện tích 399,4 km² (bao gồm khu Saemangeum)

– tính đến cuối tháng 12 năm 2024

Đơn vị hành chính 27 đơn vị eup, myeon, dong
(1 eup, 10 myeon, 16 dong)



Bản đồ khu vực hành chính thành phố Gunsan



군산시 가볼만한 곳

시간여행

장 소	주 소	연락처
근대역사박물관	군산시 해망로 240	063-454-7870
진포해양테마공원	군산시 내항2길 32	063-454-7870
초원사진관	군산시 구영2길 12-1	
해망굴	군산시 동산길 32-2	
근대역사체험공간	군산시 구영6길 13, 여미랑	
동국사	군산시 동국사길 16	
신흥동 말랭이마을	군산시 신흥동 34-5 일원	063-454-5815
호남관세박물관	군산시 해망로 244-7	
군산 신흥동 일본식 가옥	군산시 구영1길 17	
일제강점기 군산역사관	군산시 동국사길 21	063-454-5948
경암동 철길마을	군산시 경암동 528-7	
군산 3.1운동 100주년 기념관	군산시 영명길 29	063-454-5941
군산 채만식문학관	군산시 강변로 449	063-454-7885

섬여행

교통수단	장 소	주 소
육상교통 (차/버스)	선유도 망주봉	군산시 선유도2길 일원
	선유도 명사십리 해수욕장	군산시 옥도면 선유도리 115-1
	선유 기도등대(선유3구항 방파제 등대)	군산시 옥도면 선유도리 474-1 / 선유도3길 33-4
	옥돌해변 명품데크길	군산시 옥도면 선유도리 선유남길 50-1
	무녀도 쥐똥섬(마을버스)	군산시 옥도면 무녀도리 산 10-22
	대장봉	군산시 옥도면 대장도리
	장자교 스카이워크	군산시 옥도면 장자도리 장자도1길
	고군산군도 지질공원	군산시 고군산군도 일원
해상교통 (여객선)	선유스카이썬라인	군산시 옥도면 선유북길 136
	관리도(장자도 선착장 이용)	군산시 옥도면 관리도리
	말도(장자도 선착장 이용)	군산시 옥도면 말도리
	명도(장자도 선착장 이용)	군산시 옥도면 말도리
	방축도(장자도 선착장 이용)	군산시 옥도면 말도리
	어청도(군산 연안여객터미널 이용)	군산시 옥도면 어청도리

자연 힐링여행

장 소	주 소	연락처
은파호수공원	군산시 은파순환길 9	063-454-4896
월명공원	군산시 동산길 29	
금강미래체험관	군산시 성산면 철새로 120	063-454-5680
청암산	군산시 옥산면 옥산리 681	
비응마파지길	군산시 비응도동 37 일원	

Những địa điểm tham quan tại thành phố Gusan

Hành trình thời gian

Địa điểm	Địa chỉ	Liên hệ
Bảo tàng Lịch sử cận đại	240 Haemang-ro, Gusan-si	063-454-7870
Công viên chủ đề hàng hải Jinpo	32 Naehang 2-gil, Gusan-si	063-454-7870
Tiệm chụp ảnh Chowon	12-1 Gyeong 2-gil, Gusan-si	
Hầm Haemang	32-2 Dongsan-gil, Gusan-si	
Không gian trải nghiệm lịch sử cận đại	Yeomirang, 13 Gyeong 6-gil, Gusan-si	
Chùa Dongguksa	16 Dongguksa-gil, Gusan-si	
Làng Malraengi Sinheung-dong	Khu vực 34-5 Sinheung-dong, Gusan-si	063-454-5815
Bảo tàng Thuế Honam	244-7 Haemang-ro, Gusan-si	
Nhà kiểu Nhật tại Sinheung-dong, Gusan	17 Gyeong 1-gil, Gusan-si	
Bảo tàng lịch sử Gusan thời kì Nhật Bản đô hộ	21 Dongguksa-gil, Gusan-si	063-454-5948
Làng đường ray Gyeongam-dong	528-7 Gyeongam-dong, Gusan-si	
Nhà tưởng niệm kỷ niệm 100 năm phong trào 1/3 Gusan	29 Yeongmyeong-gil, Gusan-si	063-454-5941
Bảo tàng Văn học Chae Man-sik	449 Gangbyeon-ro, Gusan-si	063-454-7885

Du lịch đảo

Phương tiện giao thông	Địa điểm	Địa chỉ
Di chuyển bằng đường bộ (ô tô/xe buýt)	Đỉnh Mangjubong, đảo Seonyudo	Khu vực Seonyudo 2-gil, Gusan-si
	Bãi biển Myeongsasipri, đảo Seonyudo	115-1 Seonyudo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Hải đăng Gido Seonyu (hải đăng chắn sóng cảng Seonyu 3-gu)	474-1 Seonyudo-ri hoặc 33-4 Seonyudo 3-gil, Okdo-myeon, Gusan-si
	Lối đi bằng gỗ tuyệt tác bờ biển Okdol	50-1 Seonyunam-gil, Seonyudo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Jwittong, đảo Muyeodo (xe buýt làng)	San 10-22 Muyeodo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đỉnh Daejangbong	Daejangdo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Skywalk cầu Jangja	Jangjado 1-gil, Jangjado-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Công viên địa chất Gogunsan	Khu vực quần đảo Gogunsan, Gusan-si
Di chuyển bằng đường biển (tàu khách)	Tuyến zipline Seonyu Sky Sunline	136 Seonyubuk-gil, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Gwanrido (Xuất phát từ cảng Jangjado)	Gwanrido-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Maldo (Xuất phát từ cảng Jangjado)	Maldo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Myeongdo (Xuất phát từ cảng Jangjado)	Maldo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Bangchukdo (Xuất phát từ cảng Jangjado)	Maldo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si
	Đảo Eocheongdo (Xuất phát từ Bến tàu khách nội địa Gusan)	Eocheongdo-ri, Okdo-myeon, Gusan-si

Du lịch nghỉ dưỡng thiên nhiên

Địa điểm	Địa chỉ	Liên hệ
Công viên hồ Eunpa	9 Eunpa Sunhwan-gil, Gusan-si	063-454-4896
Công viên Wolmyeong	29 Dongsan-gil, Gusan-si	
Trung tâm trải nghiệm tương lai sông Geumgang	120 Cheolsae-ro, Seongsan-myeon, Gusan-si	063-454-5680
Núi Cheongamsan	681 Oksan-ri, Oksan-myeon, Gusan-si	
Đường đi bộ Bieung Mapaji	Khu vực 37 Bieungdo-dong, Gusan-si	

군산 대표 축제

군산콩당보리축제(4월)

보리를 직접 재배하는 농업인이 중심이 되어 개최하는 축제로, 보리밭 걷기와 보리를 소재로 한 다양한 체험으로 전 세대가 어우러져 즐길 수 있는 정겨운 축제



수제맥주&블루스 페스티벌(6월)

매년 6월 대한민국 로컬맥주 1번지 군산에서, 국내외 블루스밴드 16팀의 공연과 군산맥주와 국외교류도시 맥주, 군산맛집들을 즐길 수 있는 3일간의 군산맥주 페스티벌



군산국가유산야행(8월)

국가유산과 지역의 특색있는 역사문화자원을 연계·활용한 관람, 체험, 공연, 전시 등 야간형 국가유산 향유 프로그램



군산시간여행축제(10월)

군산의 역사 및 문화자원을 바탕으로 '시간여행'이라는 콘셉트를 축제로 풀어낸 군산의 대표축제로 근대 군산의 역사와 이야기를 담은 공연과 체험, 세대를 아우르는 즐길거리가 가득한 거리형 축제



군산짬뽕페스티벌(10월)

짬뽕으로 유명한 군산에서 장미동 일대를 중심으로 짬뽕 특화거리를 조성하고, 2022년부터 짬뽕 경연대회, 테마별 먹거리 부스, 거리공연 등 다채로운 프로그램을 선보여 온 대표 미식축제



Các lễ hội tiêu biểu của Gunsan

Lễ hội lúa mạch Kongdang, Gunsan (tháng 4)

Một lễ hội ấm áp do chính những người nông dân trồng lúa mạch tổ chức, nơi mọi thế hệ có thể cùng nhau tham gia và tận hưởng các hoạt động như đi dạo giữa cánh đồng lúa mạch và trải nghiệm nhiều hoạt động liên quan đến lúa mạch.



Lễ hội bia thủ công & Blues (tháng 6)

Lễ hội bia Gunsan kéo dài ba ngày được tổ chức vào tháng Sáu hằng năm tại Gunsan, trung tâm bia địa phương số 1 của Hàn Quốc, nơi có thể thưởng thức các màn trình diễn của 16 ban nhạc blues trong và ngoài nước, bia Gunsan, bia từ các thành phố kết nghĩa và các nhà hàng địa phương nổi tiếng.



Lễ hội đêm Di sản Quốc gia Gunsan (tháng 8)

Các chương trình thưởng thức di sản quốc gia về đêm như tham quan, trải nghiệm, biểu diễn và triển lãm, kết nối và tận dụng di sản quốc gia với các nguồn tài nguyên lịch sử và văn hóa địa phương độc đáo.



Lễ hội Du hành thời gian Gunsan (tháng 10)

Là lễ hội tiêu biểu của thành phố Gunsan, khai thác ý tưởng “du hành thời gian” dựa trên các nguồn tài nguyên lịch sử và văn hóa của thành phố, đây là một lễ hội đường phố với nhiều màn trình diễn và trải nghiệm tái hiện lịch sử và những câu chuyện của Gunsan cận đại, cũng như các hoạt động giải trí dành cho mọi lứa tuổi.



Lễ hội Jjamppong Gunsan (tháng 10)

Đây là lễ hội ẩm thực tiêu biểu tạo nên khu phố chuyên về Jjamppong tập trung quanh khu vực Jangmi-dong ở Gunsan, nổi tiếng với món Jjamppong, và đã cho ra mắt nhiều chương trình đa dạng như các cuộc thi Jjamppong, các gian hàng ẩm thực theo chủ đề, biểu diễn đường phố, v.v. kể từ năm 2022.



02 외국인등록과 체류

1. 출입국사무소 안내(전주출입국 · 외국인사무소 군산출장소)

- **문 의** 외국인종합안내센터(☎1345)
- **민원내용** 비자, 출입국 심사, 각종 증명발급 등
- **주 소** 군산시 대학로 151-1
- **웹사이트** hikorea.go.kr(비회원 예약 가능/PC, 모바일 모두 가능)
- 방문예약제 실시 : 체류업무 방문 시 방문예정일 기준 1일 전까지 예약 필수

2. 외국인주민 민원서류 발급 안내

구 분	대 상	신고기한	처리기관	비 고
등록외국인 체류지 변경신고	체류지를 이전한 외국인 (외국국적동포)	15일 이내	이전한 체류지 관할 시·군·구청 또는 읍·면·동 행정복지센터 및 출입국사무소	창구 (전자민원 가능)
외국국적동포 국내거소신고				
외국인등록 사실증명서	등록외국인 (외국국적동포)	수시	시·군·구청 또는 읍·면·동 행정복지센터	창구 발급
국내거소신고 사실증명서				
출입국 사실증명				
외국인 인감증명서	등록외국인 중 인감신고자	수시	시·군·구청 또는 읍·면·동 행정복지센터	창구 발급
가족관계증명서	가족관계 등록한 자 (결혼이민자 · 국적취득자 등) - 단, 국적미취득 결혼이민자는 주민등록표 등재 후 등본만 가능	수시	시·군·구청 또는 읍·면·동 행정복지센터	창구 발급 (귀화자 무인발급기 가능)
혼인관계증명서				
기본증명서				
입양관계증명서				
주민등록초본 · 등본				

3. 주한 대사관(고용허가제 17개국)

대사관/영사관	연락처(02)	대사관/영사관	연락처(02)	대사관/영사관	연락처(02)
네팔	3789-9770~1	스리랑카	735-2966	중국	771-9020
인도네시아	783-5675	캄보디아	3785-1041	태국	795-3098
몽골	798-3464	라오스	796-1713~4	파키스탄	796-8252
미얀마	790-3814~6	우즈베키스탄	574-6554	필리핀	788-2100
방글라데시	796-4056~7	키르기즈스탄	379-0951	타지키스탄	792-2535
베트남	720-5124	동티모르	797-6151		

02 Đăng ký người nước ngoài và cư trú

1. Thông tin về Văn phòng Xuất nhập cảnh (Văn phòng Xuất nhập cảnh, người nước ngoài Jeonju, Chi nhánh Gunsan)

- **Liên hệ** : Trung tâm tư vấn tổng hợp dành cho người nước ngoài (☎1345)
- **Nội dung giải quyết** : Visa, thủ tục xuất nhập cảnh, cấp các loại giấy chứng nhận, v.v.
- **Địa chỉ** : 151-1 Daehak-ro, Gunsan-si
- **Website** : hikorea.go.kr (Có thể đặt lịch không cần tài khoản / sử dụng được trên cả máy tính và điện thoại)
 - Áp dụng chế độ đặt lịch trước khi đến: Khi đến làm thủ tục cư trú, bắt buộc phải đặt lịch trước ít nhất 1 ngày so với ngày dự kiến đến.

2. Hướng dẫn cấp giấy tờ hành chính cho cư dân người nước ngoài

Phân loại	Đối tượng	Thời hạn khai báo	Cơ quan xử lý	Ghi chú
Khai báo thay đổi nơi cư trú đối với người nước ngoài đã đăng ký	Người nước ngoài (người gốc Hàn quốc tịch nước ngoài) chuyển nơi cư trú	Trong vòng 15 ngày	Văn phòng quận, huyện, thành phố, hoặc trung tâm cộng đồng eup, myeon, dong và Văn phòng Xuất nhập cảnh có thẩm quyền đối với nơi cư trú chuyển tới	Tại quầy (có thể làm trực tuyến)
Khai báo nơi cư trú trong nước đối với người gốc Hàn quốc tịch nước ngoài				
Giấy xác nhận đăng ký người nước ngoài	Người nước ngoài đã đăng ký (người gốc Hàn quốc tịch nước ngoài)	Khi phát sinh	Văn phòng quận, huyện, thành phố, hoặc trung tâm cộng đồng eup, myeon, dong	Cấp tại quầy
Giấy xác nhận khai báo nơi cư trú tại Hàn Quốc				
Giấy xác nhận lịch sử xuất nhập cảnh				
Giấy chứng nhận con dấu của người nước ngoài	Người nước ngoài đã đăng ký và đã khai báo con dấu	Khi phát sinh	Văn phòng quận, huyện, thành phố, hoặc trung tâm cộng đồng eup, myeon, dong	Cấp tại quầy
Giấy chứng nhận quan hệ gia đình	Người đã đăng ký quan hệ gia đình (người nhập cư kết hôn, người nhập quốc tịch, v.v.) - Tuy nhiên, người nhập cư kết hôn chưa nhập quốc tịch chỉ được cấp bản sao hộ khẩu sau khi đã đăng ký cư trú	Khi phát sinh	Văn phòng quận, huyện, thành phố, hoặc trung tâm cộng đồng eup, myeon, dong	Cấp tại quầy (người đã nhập quốc tịch có thể sử dụng máy tự động)
Giấy chứng nhận kết hôn				
Giấy chứng nhận cơ bản				
Giấy chứng nhận quan hệ nhận nuôi				
Bản sao/Trích lục đăng ký cư trú				

3. Đại sứ quán tại Hàn Quốc (17 quốc gia thuộc hệ thống cấp phép lao động)

Đại sứ quán/ Lãnh sự quán	Liên hệ (02)	Đại sứ quán/ Lãnh sự quán	Liên hệ (02)	Đại sứ quán/ Lãnh sự quán	Liên hệ (02)
Nepal	3789-9770-1	Sri Lanka	735-2966	Trung Quốc	771-9020
Indonesia	783-5675	Campuchia	3785-1041	Thái Lan	795-3098
Mông Cổ	798-3464	Lào	796-1713-4	Pakistan	796-8252
Myanmar	790-3814-6	Uzbekistan	574-6554	Philippines	788-2100
Bangladesh	796-4056-7	Kyrgyzstan	379-0951	Tajikistan	792-2535
Việt Nam	720-5124	Đông Timor	797-6151		

03 근로와 노무

1. 재고용 허가

외국인근로자는 3년간 취업활동 가능, 사업주의 재고용허가 요청이 있는 경우 1회에 한하여 2년 미만의 범위(1년 10개월)에서 취업 활동기간 연장 가능

- **신청기간** 취업활동기간 만료일 90일 전부터 7일 전까지
- **신청대상** 취업활동기간 만료일까지 해당 외국인근로자와 근로계약이 1개월 이상 유지되는 경우
- **문의** 광주지방고용노동청 군산지청 ☎063-450-0602, 0605, 0608

2. 재입국 취업 특례

고용허가제로 입국하여 취업 활동기간(4년 10개월)이 만료된 외국인근로자(E-9)는 적용조건 충족 시 출국 후 1개월 후에 종전 사업장으로 재입국 가능

- **신청기간** 취업 활동기간 만료일 90일 전부터 7일 전까지
- **신청대상** 취업 활동기간 만료일까지 해당 외국인근로자와의 근로계약이 1년 이상 유지된 경우
- **문의** 광주지방고용노동청 군산지청 ☎063-450-0602, 0605, 0608

3. 사업장 변경

외국인근로자는 입국 당시에 근로계약을 체결한 사업장에서 근로를 지속하는 것이 원칙이나, 법에서 정한 사유로 해당 사업장에서 근로관계를 지속하기 곤란한 때에는 3회 변경 가능(재고용 기간 중에는 2회)

- **신청기간** 근로계약이 종료된 날부터 1개월 이내(3개월 이내에 변경허가를 받지 못한 경우 출국조치)
- **문의** 광주지방고용노동청 군산지청 ☎063-450-0602, 0605, 0608

4. 산업재해보험

근로자가 일을 하던 중 사고를 당하거나 질병에 걸린 경우, 치료비용과 최소한의 생계보장을 위한 각종 보험급여 지원

- **신청방법** 회사의 확인 없이 산재보험 의료기관을 통한 대행 신청, 주한 외국공관의 신청 대리 가능
- **문의** 근로복지공단(☎1588-0075)

03 Lao động và làm việc

1. Cho phép tái tuyển dụng

Người lao động nước ngoài được phép làm việc trong thời gian 3 năm. Trường hợp có yêu cầu tái tuyển dụng từ phía người sử dụng lao động, có thể được gia hạn thời gian làm việc 1 lần, tối đa dưới 2 năm (1 năm 10 tháng).

- **Thời gian đăng ký** : Từ 90 ngày đến 7 ngày trước ngày hết hạn thời gian làm việc
- **Đối tượng đăng ký** : Trường hợp hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài có liên quan được duy trì ít nhất 1 tháng cho đến khi hết thời hạn hoạt động lao động
- **Liên hệ** : Sở Lao động và Việc làm khu vực Gwangju, chi nhánh Gunsan ☎063-450-0602, 0605, 0608

2. Chế độ đặc biệt tái nhập cảnh để làm việc

Người lao động nước ngoài (E-9) nhập cảnh theo chương trình cấp phép lao động và đã hết thời hạn làm việc (4 năm 10 tháng) có thể xuất cảnh và tái nhập cảnh tại doanh nghiệp cũ sau 1 tháng, nếu đáp ứng điều kiện

- **Thời gian đăng ký** : Từ 90 ngày đến 7 ngày trước ngày hết hạn thời gian làm việc
- **Đối tượng đăng ký** : Trường hợp hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài có liên quan được duy trì ít nhất 1 năm cho đến khi hết thời hạn hoạt động lao động
- **Liên hệ** : Sở Lao động và Việc làm khu vực Gwangju, chi nhánh Gunsan ☎063-450-0602, 0605, 0608

3. Thay đổi nơi làm việc

Người lao động nước ngoài về nguyên tắc phải làm việc liên tục tại nơi đã ký hợp đồng ban đầu khi nhập cảnh. Tuy nhiên, trong trường hợp có lý do theo quy định pháp luật khiến không thể tiếp tục làm việc tại nơi làm việc này, có thể thay đổi nơi làm việc 3 lần (2 lần trong thời gian tái tuyển dụng).

- **Thời gian đăng ký** : Trong vòng 1 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động (Nếu không được cho phép thay đổi trong vòng 3 tháng sẽ bị buộc xuất cảnh)
- **Liên hệ** : Sở Lao động và Việc làm khu vực Gwangju, chi nhánh Gunsan ☎063-450-0602, 0605, 0608

4. Bảo hiểm tai nạn lao động

Trường hợp người lao động gặp tai nạn hoặc mắc bệnh trong quá trình làm việc, sẽ được hỗ trợ chi phí điều trị và các khoản trợ cấp bảo đảm cuộc sống tối thiểu

- **Cách đăng ký** : Có thể đăng ký thông qua cơ sở y tế bảo hiểm tai nạn lao động mà không cần xác nhận của công ty; cơ quan đại diện ngoại giao tại Hàn Quốc có thể hỗ trợ đăng ký
- **Liên hệ** : Cơ quan phúc lợi lao động (☎1588-0075)

5. 숙련기능인력(K-point E-7-4) 전환

- **기간/대상** 12월 31일 / E-9, E-10, H-2 비자 소지자
- **신청요건** 전환요건 점수 200점 이상인 자 (특례~2026.12.31. 한국어 외 점수가 150점 이상인 자)
- **신청방법** 법무부 하이코리아 온라인 신청(hikorea.go.kr)
- **문의** 외국인종합센터(☎1345)

6. 숙련기능인력 전환을 위한 전북특별자치도 추천제

- **대상** E-9, E-10, H-2 비자 소지자 중 3년 이상 체류한 외국인
- 수도권(서울, 경기, 인천) 체류 시 4년
- **신청요건** 전북특별자치도 추천가점(30점)으로 전환요건 점수(200점/한국어유예 150점)를 만족하는 자
- **신청방법** 군산시 인구대응담당관(외국인정책계) · 전북경제통상진흥원 일자리센터
- **문의** 군산시 인구대응담당관(외국인정책계) ☎ 063-454-2632
전북경제통상진흥원 일자리센터 ☎ 063-280-1011~1013, 1015

04 유학생 관련 정보

1. 외국인 유학생을 위한 홈페이지 : StudyinKorea.go.kr

- 유학비자 안내, 대학 소개, 시간제취업 안내, 한국유학 생활 소개 등

2. 유학생 시간제 취업

- **기본사항** 통상적으로 학생이 행하는 시간제 취업(단순노무 등)에 한정
※ 근로 시간은 비자별, 한국어능력별 등에 따라 차이가 있음
- **시간제 취업 신청 방법**
고용계약(학생-사장) → 시간제취업확인서(대학) → 허가 신청(출입국 : 온라인/방문) → 허가 또는 불허 → 근로 시작

3. 군산시 소재 대학교

대학명	주 소	문 의
군산대학교	군산시 대학로 558	063-469-4113~4
호원대학교	군산시 임피면 호원대 3길 64	063-450-7114, 7119
군장대학교	군산시 성산면 군장대길 13	063-450-8114

5. Chuyển sang lao động tay nghề cao (K-point E-7-4)

- **Thời hạn/Đối tượng** : Ngày 31 tháng 12 / Người có visa E-9, E-10, H-2
- **Điều kiện đăng ký** : Người đạt trên 200 điểm theo thang điểm chuyển đổi (Áp dụng đặc biệt ~31/12/2026 với người đạt trên 150 điểm, không tính điểm tiếng Hàn)
- **Cách đăng ký** : Đăng ký trực tuyến trên website HiKorea của Bộ Tư pháp (hikorea.go.kr)
- **Liên hệ** : Trung tâm tư vấn người nước ngoài (☎1345)

6. Chế độ đặc cử của Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk để chuyển sang lao động tay nghề cao

- **Đối tượng** : Người nước ngoài có visa E-9, E-10, H-2 và đã cư trú trên 3 năm
– 4 năm nếu cư trú tại khu vực thủ đô (Seoul, Gyeonggi, Incheon)
- **Điều kiện đăng ký** : Người đáp ứng điểm số yêu cầu chuyển đổi (200 điểm/150 điểm đối với trường hợp hoàn học tiếng Hàn) nhờ có điểm cộng đặc cử của Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk (30 điểm)
- **Cách đăng ký** : Cán bộ phụ trách chính sách dân số (bộ phận chính sách người nước ngoài), thành phố Gunsan; Trung tâm việc làm, Viện Xúc tiến Kinh tế Thương mại Jeonbuk
- **Liên hệ** – Cán bộ phụ trách chính sách dân số (bộ phận chính sách người nước ngoài), thành phố Gunsan ☎063-454-2632
– Trung tâm việc làm, Viện Xúc tiến Kinh tế Thương mại Jeonbuk ☎063-280-1011~1013, 1015

04 Thông tin dành cho du học sinh

1. Trang web dành cho du học sinh nước ngoài: StudyinKorea.go.kr

- Cung cấp thông tin về visa du học, giới thiệu trường đại học, việc làm thêm theo giờ, đời sống du học tại Hàn Quốc, v.v.

2. Việc làm thêm theo giờ dành cho du học sinh

- **Nội dung cơ bản** : Chỉ giới hạn trong các công việc làm thêm thông thường (lao động đơn giản, v.v.)
※ Thời gian làm việc khác nhau tùy theo loại visa, trình độ tiếng Hàn, v.v.
- **Cách thức đăng ký làm thêm theo giờ**
Hợp đồng lao động (sinh viên – chủ lao động) → Giấy xác nhận làm thêm theo giờ (trường đại học) → Đăng ký cấp phép (Cục Xuất nhập cảnh: trực tuyến/trực tiếp) → cấp phép hoặc không → Bắt đầu làm việc

3. Các trường đại học tại thành phố Gunsan

Tên trường đại học	Địa chỉ	Liên hệ(063)
Đại học Gunsan	558 Daehak-ro, Gunsan-si	469-4113~4
Đại học Howon	64 Howondae 3-gil, Impi-myeon, Gunsan-si	450-7114, 7119
Đại học Gunjang	13 Gunjangdae-gil, Seongsan-myeon, Gunsan-si	450-8114

05 건강과 의료

1. 외국인 국민건강보험 당연가입

- **가입대상** 한국에 6개월 이상 체류한 외국인
 - 6개월 동안 출국기간 합이 30일 이하인 경우 계속 국내에 체류한 것으로 간주
 - 1회 30일을 초과하여 출국하는 경우는 재입국일로부터 6개월 이상 체류해야 가능
 - 6개월 기간 중 2회 이상 출국하여 통상 30일을 초과하는 경우 최초입국일의 다음달부터 매달 1일마다 6개월 체류기간 기산함.
 - 당연가입 취득예정일에 국외 체류 중인 경우(출국기간 통상 30일 이하)그 후 국내에 입국한 날
 - ※ (예외)유학(D-2) 또는 결혼이민(F-6), 비전문취업(E-9), 영주(F-5), 초중고생(D-4-3)의 체류자격으로 입국한 외국인은 입국일 취득 시행
- **가입절차**
 - 6개월 이상 국내 체류한 경우 공단에서 자동 가입처리
 - 국내 체류지(거소지)로 건강보험증과 보험료 납부 고지서 발송
 - 단, 아래의 경우 반드시 가까운 지사에 방문하여 신고
- **자동가입이 되지 않은 경우(건강보험증 등 미수령 시)**
- **가족(배우자 및 미성년 자녀) 동반입국으로 보험료를 세대단위로 납부하고자 하는 경우**
- **국내에서 유학중인 재외국민 또는 재외동포(F-4)로서, 보험료를 경감 받고자 하는 경우**

2. 외국인 국민건강보험료 부과

- **보험료 부과** 소득과 재산에 따라 보험료 산정
 - 산정보험료가 평균보험료 미만 시 평균보험료 부과
 - 평균보험료 산정 기준: 전년도 11월 전체 가입자 평균보험료
- **납부기한** 다음 달 보험료를 매월 25일까지 납부 (선납)
 - 단, 영주(F-5) 및 결혼이민(F-6)의 체류자격은 월납(후납) (내국인과 동일)
- **가입혜택** 국민건강보험에 가입하여 입원, 외래진료, 중증질환, 건강검진 등 대한민국 국민과 동일한 혜택을 받을 수 있음
- **가입문의**
 - 국민건강보험공단 ☎1577-1000
 - 영어, 중국어, 베트남어, 우즈베키스탄어 상담 ☎033-811-2000

05 Sức khỏe và y tế

1. Bắt buộc tham gia Bảo hiểm Y tế quốc gia đối với người nước ngoài

- **Đối tượng tham gia** : Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc trên 6 tháng
 - Trường hợp tổng thời gian xuất cảnh trong 6 tháng không quá 30 ngày, vẫn được coi là cư trú liên tục trong nước
 - Trường hợp xuất cảnh quá 30 ngày/lần, phải cư trú trên 6 tháng từ ngày tái nhập cảnh
 - Trường hợp xuất cảnh trên 2 lần trong 6 tháng và tổng thời gian xuất cảnh bình thường vượt quá 30 ngày, thời gian cư trú 6 tháng sẽ được tính từ ngày 1 của mỗi tháng kể từ tháng tiếp theo sau ngày nhập cảnh đầu tiên.
 - Trường hợp đang ở nước ngoài vào ngày dự kiến tham gia bảo hiểm bắt buộc (tổng thời gian xuất cảnh dưới 30 ngày), tính từ ngày nhập cảnh vào Hàn Quốc sau đó
 - ※ (Ngoại lệ) Người nước ngoài nhập cảnh với các loại visa Du học (D-2) hoặc Nhập cư kết hôn (F-6), Lao động phổ thông (E-9), Vĩnh trú (F-5), Học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (D-4-3) sẽ được tham gia ngay từ ngày nhập cảnh
- **Thủ tục tham gia**
 - Trường hợp cư trú tại Hàn Quốc trên 6 tháng, cơ quan bảo hiểm sẽ tự động đăng ký
 - Thẻ bảo hiểm y tế và thông báo đóng phí sẽ được gửi về địa chỉ cư trú (nơi ở) tại Hàn Quốc
 - Tuy nhiên, cần đến trực tiếp chi nhánh gần nhất để khai báo trong các trường hợp sau:
- **Trường hợp không được tự động đăng ký (không nhận được thẻ bảo hiểm, v.v.)**
- **Trường hợp muốn đóng phí theo hộ gia đình khi nhập cảnh cùng người thân (vợ/chồng và con cái chưa thành niên)**
- **Trường hợp là kiều bào hoặc người gốc Hàn (F-4) đang du học tại Hàn Quốc và muốn được giảm phí bảo hiểm**

2. Mức đóng Bảo hiểm Y tế quốc gia đối với người nước ngoài

- **Mức phí bảo hiểm** : Được tính dựa trên thu nhập và tài sản
 - Nếu mức phí bảo hiểm được tính thấp hơn mức phí bảo hiểm trung bình thì sẽ áp dụng mức phí bảo hiểm trung bình
 - Tiêu chuẩn tính phí bảo hiểm trung bình: Mức phí bảo hiểm trung bình của toàn bộ người tham gia tính đến tháng 11 năm trước
- **Thời hạn nộp** : Nộp phí của tháng tiếp theo trước ngày 25 hàng tháng (nộp trước)
 - Tuy nhiên, đối với visa Vĩnh trú (F-5) và Nhập cư kết hôn (F-6) nộp theo tháng (nộp sau) (giống với người Hàn Quốc)
- **Quyền lợi tham gia** : Khi tham gia Bảo hiểm Y tế quốc gia, có thể được hưởng các quyền lợi tương đương công dân Hàn Quốc như nhập viện, khám chữa bệnh ngoại trú, điều trị bệnh nặng, khám sức khỏe, v.v.
- **Liên hệ đăng ký** :
 - Cơ quan Bảo hiểm Y tế quốc gia (☎1577-1000)
 - Tư vấn tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Uzbek (☎033-811-2000)

3. 외국인근로자 등 의료지원사업

- **지원대상** 외국인근로자 및 그 배우자와 자녀, 국적 취득 전 결혼이민자 및 그 자녀, 난민 및 그 자녀로서 건강보험, 의료급여 등 각종 의료보장제도에 의해서 의료혜택을 받을 수 없는 자로 국내에 거주하는 외국인(단, 자녀는 만 18세 미만일 경우만 지원)
- **지원내용**
 - 건강보험, 의료급여 등 기존 의료보장제도에 의해 지원받을 수 없는 외국인근로자 등이 입원·수술이 필요한 경우 의료비 지원(단, 외래진료는 원칙적으로 지원대상이 아님)
 - 교통사고, 폭행 등 가해로 인한 상해가 발생한 경우는 지원대상자에서 제외함(단, 가정폭력으로 인한 경우는 지원)
- **지원범위**
 - 입원 및 수술(당일 외래 수술 포함)
 - ※ 입원 및 수술과 연계되는 사전 외래진료와 사후 외래진료 각 3회만 인정
 - 산전 진찰
 - 외국인근로자의 자녀, 국적 취득 전 결혼이민자 및 난민 등의 자녀의 외래진료(18세 미만 자녀에 한함)
 - 외국인근로자 배우자(외국인)의 임신과 관련한 산전 진찰 및 출산
- **지원비용** 입원부터 퇴원까지 발생한 총진료비의 90% 지원(나머지 10% 본인 부담) / 1회당 300만원 내
- **지원횟수** 연간 지원 횟수는 제한 없음
(※ 동일 상병으로 2회 이상 수술이 발생하는 경우에는 심의 필요)
- **시행기관 및 문의** 군산의료원(전북특별자치도 군산시 의료원로 27)
☎ 063-472-5685,4(공공보건의료협력팀)

4. 마약류 규제 및 처벌

- **대한민국은 마약금지국가로, 모든 마약류 엄격히 규제! 처벌 또한 엄격합니다.**
 - 마약을 단순 소지만 하고 있어도 형사처벌 대상(신고 ☎112)
 - 마약류 범죄를 저지른 외국인은 형사처벌 후 강제 추방 및 한국 입국금지 조치
- **주요 마약류**

마 약	대 마
아편, 모르핀, 코카인, 펜타닐 등	대마초, 대마가공품 등
향정신성의약품	기 타
필로폰, 프로포폴, 바르비탈, 졸피뎀 등	임시 마약류, 환각물질 등

- “마약류 문제로 힘들 땐”언제 · 어디서나 · 누구나 1342” (24시간 상시 마약류 전화상담센터)

3. Chương trình hỗ trợ y tế cho người lao động nước ngoài, v.v.

- **Đối tượng hỗ trợ :** Người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc nhưng không được hưởng các chế độ bảo đảm y tế như bảo hiểm y tế, hỗ trợ y tế dành cho người lao động nước ngoài và vợ/chồng, con cái của họ; người nhập cư kết hôn chưa nhập quốc tịch và con cái của họ; người tị nạn và con cái của họ, v.v. (Chỉ hỗ trợ con cái dưới 18 tuổi)
- **Nội dung hỗ trợ**
 - Hỗ trợ chi phí y tế trong trường hợp người lao động nước ngoài, v.v. không được hưởng các chế độ bảo đảm y tế cơ bản như bảo hiểm y tế, hỗ trợ y tế, v.v. phải nhập viện, phẫu thuật (Tuy nhiên, theo nguyên tắc, điều trị ngoại trú không phải nội dung hỗ trợ)
 - Không hỗ trợ đối với trường hợp bị thương do hành vi của người khác như tai nạn giao thông, bạo lực, v.v. (Tuy nhiên, trường hợp bạo lực gia đình vẫn được hỗ trợ)
- **Phạm vi hỗ trợ**
 - Nhập viện và phẫu thuật (bao gồm phẫu thuật ngoại trú trong ngày)
 - ※ Chỉ công nhận tối đa 3 lần khám ngoại trú trước và sau khi nhập viện và phẫu thuật
 - Khám thai trước sinh
 - Điều trị ngoại trú cho con cái của người lao động nước ngoài, con cái của người nhập cư kết hôn chưa nhập quốc tịch và người tị nạn, v.v. (chỉ áp dụng cho con cái dưới 18 tuổi)
 - Khám thai và sinh con đối với vợ (là người nước ngoài) của người lao động nước ngoài
- **Chi phí hỗ trợ :** Hỗ trợ 90% tổng chi phí điều trị từ khi nhập viện đến khi xuất viện (người bệnh tự chi trả 10% còn lại)/ Tối đa 3 triệu won/lần
- **Số lần hỗ trợ :** Không giới hạn số lần hỗ trợ trong năm (※ Cần xem xét nếu phẫu thuật từ 2 lần trở lên cho cùng một bệnh)
- **Cơ quan thực hiện và liên hệ :** Trung tâm Y tế Gunsan (27, Uihakwon-ro, Gunsan-si, Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk) ☎ 063-472-5685,4 (Đội Hợp tác y tế công cộng)

4. Quy định và xử phạt đối với ma túy

- **Hàn Quốc là quốc gia cấm ma túy, tất cả các loại ma túy đều bị kiểm soát nghiêm ngặt và xử phạt rất nghiêm khắc.**
 - Chỉ cần tàng trữ ma túy cũng bị xử lý hình sự (Tổ cáo ☎112)
 - Người nước ngoài phạm tội liên quan đến ma túy sẽ bị xử lý hình sự, sau đó bị trục xuất và cấm nhập cảnh vào Hàn Quốc
- **Các loại ma túy chính**

Ma túy	Cần sa
Thuốc phiện, morphine, cocaine, fentanyl, v.v.	Cần sa, các sản phẩm chế biến từ cần sa, v.v.
Thuốc hướng thần	Khác
Philopon, propofol, barbiturat, zolpidem, v.v.	Các chất gây nghiện tạm thời, chất gây ảo giác, v.v.

- **“Khi gặp khó khăn do vấn đề ma túy”, mọi lúc, mọi nơi, bất kỳ ai cũng có thể gọi “1342” (Trung tâm tư vấn qua điện thoại về ma túy hoạt động 24/24)**

5. 군산시 보건소 의료지원 안내

- 주 소 수송동로 58
- 대표전화 063-454-5000, 5001
- 운영시간 평일 09:00 ~ 18:00(점심시간 12:00~13:00)
- 주요내용 예방접종 및 진료, 각종 보건사업 등 감염병 예방과 건강증진 지원

체류자격(비자) 제한 없는 사업

사업명	대 상	지원내용	신청방법	비용	문 의 (063)
어린이 국가예방접종 사업	12세 이하 어린이	BCG 외 18종 백신 무료 접종	신분증 지참 후 위탁 의료기관 및 보건소 (1세이상) 방문	무료	454-4950
인플루엔자 국가예방접종 사업	14세 이하 어린이, 임신부, 65세 이상 어르신	인플루엔자 백신 연 1회 (10월~익년 4월)	신분증 지참 후 위탁의료기관 및 보건소 방문	무료	454-4950
코로나19 국가예방접종	65세 이상,면역 저하자, 감염취약 시설 입소자	코로나19 백신 연 1회 (10월~익년 4월)	신분증 지참 후 위탁의료기관 방문 (보건소 불가)	무료	454-4950
지역거점 Dengue 예방관리사업	① 2주 이내 해외 방문 이력이 있고, Dengue 의심증상이 있는 경우	Dengue 유증상자 진료 및 진료 확인서 발급	해외방문 증빙자료 또는 양성확인서 및 외국인등록번호 지참 후 보건소 1층 검사실 방문	무료	454-5036

합법 체류 외국인 대상 사업

사업명	대 상	지원내용	신청방법	비용	문 의 (063)
결핵관리 사업	결핵고위험국가 국적자가 ①국내에 90일 이상 체류 ②비자 연장신청 시	흉부X선 검사 후 결핵진단서 발급	여권 지참 후 보건소 1층 결핵 관리실 방문	무료	454-5015 ~5017
어르신 폐렴구균 예방접종사업	65세 이상 어르신	폐렴구균 백신 (PPSV23) 생애 1회	신분증 지참 후 위탁의료기관 및 보건소 방문	무료	454-4950
취약계층 대상포진 예방접종사업	군산시 1년 이상 거주 65세 이상 기초생활수급자, 심한 장애인, 국가유공자 등	대상포진 백신 생애 1회	신분증 및 증빙서류 지참 후 보건소 방문	무료	454-4950
군산시민 인플루엔자 사업	군산 1년 이상 거주 15~18세 및 60~64세 시민, 취약계층, 보육·돌봄종사자	인플루엔자 백신 연 1회 (10월~익년 1월)	신분증 및 증빙서류지참 후 보건소 방문	무료	454-4950

5. Hướng dẫn hỗ trợ y tế của Trung tâm Y tế thành phố Gunsan

- **Địa chỉ** : 58 Susongdong-ro
- **Điện thoại** : 063-454-5000, 5001
- **Thời gian làm việc** : Ngày thường 09:00 ~ 18:00 (nghỉ trưa 12:00 ~ 13:00)
- **Nội dung chính** : Tiêm chủng và khám chữa bệnh, hỗ trợ phòng ngừa bệnh truyền nhiễm và nâng cao sức khỏe như triển khai các chương trình y tế, v.v.

Chương trình không hạn chế tư cách lưu trú (visa)

Tên chương trình	Đối tượng	Nội dung hỗ trợ	Cách đăng ký	Chi phí	Liên hệ (063)
Chương trình tiêm chủng quốc gia cho trẻ em	Trẻ em dưới 12 tuổi	Tiêm chủng miễn phí vắc-xin BCG và 18 loại vắc-xin khác	Mang theo giấy tờ tùy thân và đến thăm khám tại các cơ sở y tế được ủy quyền hoặc Trung tâm y tế (trên 1 tuổi)	Miễn phí	454-4950
Chương trình tiêm chủng cúm quốc gia	Trẻ em dưới 14 tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi trên 65 tuổi	Vắc-xin cúm mùa, mỗi năm 1 lần (Tháng 10 ~ tháng 4 năm sau)	Mang theo giấy tờ tùy thân và đến thăm khám tại các cơ sở y tế được ủy quyền hoặc Trung tâm y tế	Miễn phí	454-4950
Tiêm chủng quốc gia phòng COVID-19	Người trên 65 tuổi, người suy giảm miễn dịch, đang lưu trú tại các cơ sở có nguy cơ lây nhiễm cao	Vắc-xin COVID-19, mỗi năm 1 lần (Tháng 10-tháng 4 năm sau)	Mang theo giấy tờ tùy thân và đến các cơ sở y tế được ủy quyền (Không thực hiện tại Trung tâm y tế)	Miễn phí	454-4950
Chương trình quản lý, phòng chống sốt xuất huyết tại các điểm khu vực	① Trường hợp có lịch sử đi du lịch nước ngoài trong vòng 2 tuần gần đây và có triệu chứng nghi ngờ sốt xuất huyết	Khám bệnh cho người có triệu chứng sốt xuất huyết và cấp giấy xác nhận khám bệnh	Mang theo giấy tờ chứng minh đi nước ngoài hoặc giấy xác nhận kết quả dương tính cùng thẻ đăng ký người nước ngoài, sau đó đến phòng xét nghiệm tầng 1 của Trung tâm y tế	Miễn phí	454-5036

Chương trình dành cho đối tượng người nước ngoài cư trú hợp pháp

Tên chương trình	Đối tượng	Nội dung hỗ trợ	Cách đăng ký	Chi phí	Liên hệ (063)
Chương trình quản lý bệnh lao	Cộng dân thuộc các quốc gia có nguy cơ mắc bệnh lao cao ① Cư trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày ② Khi đăng ký gia hạn visa	Chụp X-quang phổi và cấp giấy chứng nhận chẩn đoán bệnh lao	Mang theo hộ chiếu và đến phòng quản lý bệnh lao tại tầng 1 của Trung tâm y tế	Miễn phí	454-5015 ~5017
Chương trình tiêm chủng phế cầu khuẩn cho người cao tuổi	Người cao tuổi trên 65 tuổi	Vắc-xin phế cầu khuẩn (PPSV23), 1 lần trong đời	Mang theo giấy tờ tùy thân và đến các cơ sở y tế được ủy quyền hoặc Trung tâm y tế	Miễn phí	454-4950
Chương trình tiêm chủng bệnh zona cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương	Cư trú tại thành phố Gunsan trên 1 năm Người trên 65 tuổi thuộc diện người nhận trợ cấp sinh hoạt cơ bản, người khuyết tật nặng, người có công với cách mạng, v.v.	Vắc-xin Zona, 1 lần trong đời	Mang theo giấy tờ tùy thân và các giấy tờ chứng minh đến Trung tâm y tế	Miễn phí	454-4950
Chương trình tiêm chủng cúm cho người dân thành phố Gunsan	Cư trú tại thành phố Gunsan trên 1 năm Công dân từ 15-18 tuổi và 60-64 tuổi, đối tượng yếu thể, nhân viên làm việc trong lĩnh vực nuôi dạy trẻ và điều dưỡng	Vắc-xin cúm mùa, mỗi năm 1 lần (Tháng 10-tháng 1 năm sau)	Mang theo giấy tờ tùy thân và các giấy tờ chứng minh đến Trung tâm y tế	Miễn phí	454-4950

06 임신과 출산

1. 임신, 출산 진료비 지원(국민행복카드)

- **지원대상** 임신·출산(유산·사산 포함)이 확인된 외국인 건강보험 가입자 또는 피부양자
- **지원금액** 임신 1회 일태아 100만원(다태아는 태아당 100만원)
- **지원기간** 이용권 발급일 ~ 출산(유산·사산일)부터 2년
- **신청방법** 건강보험공단지사, 국민행복카드 발급가능 카드사, 은행
- **발급카드** BC카드(☎1588-4000), 롯데카드(☎1588-8100), 삼성카드(☎1588-8700), KB국민카드(☎1588-1688), 신한카드(☎1544-7000)
- **문의** 국민건강보험공단(☎1577-1000, nhis.or.kr)

2. 영양플러스 사업

- **지원대상** 소득인정액이 기준 중위소득의 80% 이하의 영양 위험요인을 가진 임신·출산·수유부 및 만 6세(72개월)까지의 영유아
- **신청요건** 국제결혼자의 경우, 부부 중 최소 1인 이상은 한국 국적이어야 함
- **지원내용**
 - 보충식품 지원 : 보충식품 패키지 월 2회 자택 배송(조제분 외 10종)
 - 영양교육 및 상담 : 대상자별 월 1회 영양개선을 위한 교육 및 상담 서비스 제공
 - 조리실습 : 대상자별 보충식품을 이용한 조리실습
 - 가정방문(필요시) : 보충식품 보관·활용법, 맞춤형 식생활 관리 교육
- **신청기간** 상시모집
- **신청방법** 신청 대상자 직접 방문 또는 보조금24 온라인 접수
- **유의사항** 보조금24로 접수하더라도 직접 방문하여야 하며, 신청 대상자가 영·유아인 경우 영·유아 동반해야 함
- **문의** 군산시보건소 / 시민건강계 / 전화번호 ☎063-454-5838~9



06 Mang thai và sinh con

1. Hỗ trợ chi phí khám thai và sinh con (Thẻ Hạnh phúc quốc gia)

- **Đối tượng hỗ trợ** : Người nước ngoài tham gia bảo hiểm y tế hoặc là người phụ thuộc, đã được xác nhận mang thai, sinh con (bao gồm cả trường hợp sảy thai, thai lưu).
- **Số tiền hỗ trợ** : 1 triệu won cho mỗi lần mang thai đơn (Trường hợp đa thai, 1 triệu won cho mỗi thai nhi)
- **Thời hạn hỗ trợ** : Từ ngày cấp thẻ ~ 2 năm kể từ ngày sinh con (hoặc ngày sảy thai, thai lưu)
- **Cách thức đăng ký** : Chi nhánh của Tổng công ty Bảo hiểm Y tế, công ty thẻ có phát hành Thẻ Hạnh phúc quốc gia, ngân hàng
- **Loại thẻ phát hành** : Thẻ BC (☎1588-4000), thẻ Lotte (☎1588-8100), thẻ Samsung (☎1588-8700), thẻ Kookmin KB (☎1588-1688), thẻ Shinhan (☎1544-7000)
- **Liên hệ** : Tổng công ty Bảo hiểm Y tế Quốc gia (☎1577-1000, nhis.or.kr)

2. Dự án Bổ sung dinh dưỡng

- **Đối tượng hỗ trợ** : Phụ nữ mang thai, mới sinh, đang cho con bú và nuôi con dưới 6 tuổi (72 tháng) có nguy cơ về dinh dưỡng và thu nhập được công nhận dưới 80% mức thu nhập trung vị
- **Điều kiện đăng ký** : Trường hợp gia đình kết hôn quốc tế, ít nhất 1 người (vợ hoặc chồng) phải có quốc tịch Hàn Quốc
- **Nội dung hỗ trợ**
 - Hỗ trợ thực phẩm bổ sung: Giao gói thực phẩm bổ sung tận nhà mỗi tháng 2 lần (gồm sữa công thức và 10 loại thực phẩm khác)
 - Cung cấp dịch vụ giáo dục và tư vấn dinh dưỡng để cải thiện dinh dưỡng mỗi tháng 1 lần theo từng đối tượng
 - Thực hành nấu ăn: Thực hành nấu ăn sử dụng thực phẩm bổ sung theo từng đối tượng
 - Thăm nhà (nếu cần): Hướng dẫn bảo quản và sử dụng thực phẩm bổ sung, quản lý chế độ ăn uống cá nhân
- **Thời gian đăng ký** : Nhận đăng ký thường xuyên
- **Cách đăng ký** : Đăng ký trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến qua trang Bojogeum24
- **Nội dung lưu ý** : Dù đăng ký trực tuyến qua trang Bojogeum24 vẫn phải đến trực tiếp để kiểm tra. Nếu đối tượng đăng ký là trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, bắt buộc phải đưa trẻ đi cùng
- **Liên hệ** : Trung tâm Y tế thành phố Gunsan / Bộ phận Sức khỏe người dân / Số điện thoại ☎063-454-5838-9

3. 산후 건강관리 지원사업

- **지원대상** 거주(F-2), 영주(F-5), 결혼이민(F-6) 중 신청일 현재 군산시에 주소를 둔 산모
- **신청요건** 출산 후, 거주(F-2), 영주(F-5), 결혼이민(F-6) 중 신청일 현재 군산시에 주소를 둔 산모
- **지원내용** 산후 회복을 위해 도내 지정 기관에서 진료받은 본인부담금 및 산후조리원 이용료 일부 지원(1인 20만원 쿠폰 지급)
- **지원제외** 산후회복과 관련 없는 처치·비용
- **신청기간** 출산일로부터 12개월까지 신청 및 사용 가능
- **신청방법** 군산시보건소 방문접수
- **유의사항** 도내 지정 기관 1개소만 이용 가능, 국민행복카드(임산·출산 진료비, 첫만남이용권)와 중복사용 불가
- **문 의** 군산시보건소 / 건강관리과 / 전화번호 ☎063-454-5852

07 육아와 보육

1. 외국국적 아동 초등학교 입학

- **지원대상** 당해연도 12월 31일까지 만 6세에 해당하는 아동이 취학의무 대상자가 되며, 다음 해 3월에 초등학교에 입학
- **입학절차** 외국인가정 자녀의 경우 한국에서 태어났더라도 취학통지서가 발급되지 않으므로 국내 거주 사실 증명을 할 수 있는 서류를 가지고 가까운 초등학교에 방문하여 입학 상담
- 미등록 외국인일 경우에도 입학할 수 있으며, 주택임대차계약서, 신원보증서 등 거주사실 및 자녀의 출생연도를 확인할 수 있는 서류를 준비
- **문 의** 해당 거주지의 학교 / 전북자치도교육지원청(조촌로 22)(☎063-450-2623)

2. 중도입국청소년 입교(입학·취학)

- **필요서류** 취학 또는 편입학원서(해당 학교), 본국 재학(졸업)증명서, 성적증명서, 출입국 사실증명서 또는 외국인등록 사실 증명(외국인등록증), 국내 거주사실 확인 서류(읍·면·동 행정복지센터), 전학년 성적증명서(본국 학교), 재학증명서 또는 졸업증명서(본국 학교), 국내 이전 학교 학교생활기록부(해당자, 국내 이전 학교), 가족관계증명서·주민등록등본, 예방접종증명서(보건소) 등
- **문 의** 해당 거주지의 학교 / 군산교육지원청(조촌로 22)(☎063-450-2623)

3. Dự án Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sau sinh

- **Đối tượng hỗ trợ** : Sản phụ có địa chỉ tại thành phố Gunsan vào thời điểm đăng ký, thuộc diện visa Cư trú (F-2), Vĩnh trú (F-5), Nhập cư kết hôn (F-6)
- **Điều kiện đăng ký** : Sản phụ có địa chỉ tại thành phố Gunsan vào thời điểm đăng ký, thuộc diện Cư trú (F-2), Vĩnh trú (F-5), Nhập cư kết hôn (F-6) sau khi sinh con
- **Nội dung hỗ trợ** : Hỗ trợ một phần chi phí tự chi trả khi khám bệnh tại các cơ quan chỉ định trong tỉnh hoặc chi phí sử dụng Trung tâm chăm sóc sau sinh để hồi phục sau sinh (Cấp coupon 200 nghìn won/người)
- **Nội dung không hỗ trợ** : Các dịch vụ điều trị hoặc thẩm mỹ không liên quan đến hồi phục sau sinh
- **Thời gian đăng ký/sử dụng** : Có thể đăng ký và sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày sinh
- **Cách đăng ký** : Đăng ký trực tiếp tại Trung tâm Y tế thành phố Gunsan
- **Nội dung lưu ý** : Chỉ được sử dụng tại 1 cơ quan được chỉ định trong tỉnh, không được sử dụng đồng thời với Thẻ Hạnh phúc quốc gia (Chi phí y tế khi mang thai và sinh con, phiếu gặp con lần đầu)
- **Liên hệ** : Trung tâm Y tế Thành phố Gunsan / Khoa Quản lý Sức khỏe/ Số điện thoại ☎063-454-5852

07 Nuôi dạy và chăm sóc trẻ

1. Nhập học Tiểu học cho trẻ em quốc tịch nước ngoài

- **Đối tượng hỗ trợ** : Trẻ em tròn 6 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12 của năm hiện tại thuộc diện bắt buộc đi học và sẽ nhập học tiểu học vào tháng 3 năm sau.
- **Quy trình nhập học** : Trẻ em trong gia đình người nước ngoài, kể cả sinh ra tại Hàn Quốc, sẽ không nhận được thông báo nhập học. Vì vậy cần chuẩn bị các giấy tờ chứng minh cư trú tại Hàn Quốc và đến trường tiểu học gần nhất để tư vấn nhập học.
 - Người nước ngoài chưa đăng ký vẫn có thể nhập học. Cần chuẩn bị các giấy tờ xác nhận việc cư trú và năm sinh của trẻ như hợp đồng thuê nhà, giấy bảo lãnh nhân thân, v.v.
- **Liên hệ** : Trường học tại nơi cư trú / Văn phòng Giáo dục tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk (22 Jochon-ro) (☎063-450-2623)

2. Nhập học cho thanh thiếu niên di trú (Nhập học, theo học)

- **Hồ sơ cần thiết** : Đơn xin nhập học hoặc theo học (tại trường nhập học), Giấy xác nhận đang học (hoặc Bằng tốt nghiệp) tại nước sở tại, Bảng điểm, Giấy xác nhận lịch sử xuất nhập cảnh hoặc Xác nhận đăng ký người nước ngoài (thẻ đăng ký người nước ngoài), Giấy tờ chứng minh cư trú tại Hàn Quốc (Trung tâm phúc lợi hành chính hoặc Trung tâm cộng đồng), Bảng điểm các năm học trước (trường ở nước sở tại), giấy xác nhận đang học hoặc bằng tốt nghiệp (trường ở nước sở tại), hồ sơ học tập từ các trường cũ ở Hàn Quốc (nếu có), giấy chứng nhận quan hệ gia đình/bản sao đăng ký cư trú, giấy chứng nhận tiêm chủng (trung tâm y tế), v.v.
- **Liên hệ** : Trường học tại nơi cư trú / Văn phòng Giáo dục Gunsan (22 Jochon-ro) (☎063-450-2623)

3. 중도입국청소년 위탁교육기관

- **학 교 명** 다음세대학교
- **주 소** 군산시 조촌5길 74-6
- **대 상** 다문화가정 자녀, 고려인, 중도입국청소년(외국 장기 거주 한국 청소년 포함) 등 위탁교육이나 대안교육을 원하는 학생
- **문 의** ☎063-452-6326

4. 군산시 외국인 아동 보육료 지원

- **지원대상** 군산시에 90일 이상 합법 체류 중이며 군산시 어린이집 다니는 0~5세 외국인 아동
- **지원내용** 14만원~29.2만원 연령별 차등지급(기본 및 차액보육료의 50% 지원)
- **지원방법** 어린이집으로 보육료 지원 신청서 및 외국인등록증 등 관련 서류 제출
- **문 의** 군산시 아동정책과(☎063-454-3225) / 각 어린이집에 문의

5. 전북 외국인 아동 보육료 지원

- **지원대상** 도내 90일 이상 합법 체류 중이며 도내 어린이집 다니는 0~5세 외국인 아동
- **지원내용** 8.4만원~17.5만원 연령별 차등지급(기본보육료의 30% 지원)
- **지원방법** 어린이집으로 보육료 지원 신청서 및 외국인등록증 등 관련 서류 제출
- **문 의** 군산시 아동정책과(☎063-454-3223) / 각 어린이집에 문의



3. Cơ sở giáo dục ủy thác cho thanh thiếu niên di trú

- **Tên trường :** Trường Daeum Sedae
- **Địa chỉ :** 74-6, Jochon 5-gil, Gunsan-si
- **Đối tượng :** Các học sinh là con em gia đình đa văn hóa, người Goryeoin, thanh thiếu niên di trú (bao gồm cả thanh thiếu niên Hàn Quốc cư trú lâu dài ở nước ngoài), v.v. muốn theo học hệ giáo dục ủy thác hoặc giáo dục thay thế
- **Liên hệ :** ☎063-452-6326

4. Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ em người nước ngoài tại thành phố Gunsan

- **Đối tượng hỗ trợ :** Trẻ em người nước ngoài từ 0~5 tuổi đang cư trú hợp pháp trên 90 ngày tại thành phố Gunsan và đang theo học tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố
- **Nội dung hỗ trợ :** Khoản trợ cấp khác nhau theo độ tuổi từ 140 nghìn won ~ 292 nghìn won (hỗ trợ 50% học phí cơ bản và học phí chênh lệch)
- **Cách thức hỗ trợ :** Nộp các giấy tờ như đơn xin hỗ trợ học phí và bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài, v.v. tại trường mầm non
- **Liên hệ :** Phòng Chính sách trẻ em thành phố Gunsan (☎063-454-3225) / liên hệ các trường mầm non

5. Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ em người nước ngoài tại tỉnh Jeonbuk

- **Đối tượng hỗ trợ :** Trẻ em người nước ngoài từ 0~5 tuổi đang cư trú hợp pháp trên 90 ngày tại tỉnh và đang theo học tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh
- **Nội dung hỗ trợ :** Khoản trợ cấp khác nhau theo độ tuổi từ 84 nghìn won ~ 175 nghìn won (hỗ trợ 30% học phí cơ bản)
- **Cách thức hỗ trợ :** Nộp các giấy tờ như đơn xin hỗ trợ học phí và bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài, v.v. tại trường mầm non
- **Liên hệ :** Phòng Chính sách trẻ em thành phố Gunsan (☎063-454-3223) / liên hệ các trường mầm non

08 한국어 교육

기관명	교육명	교육대상	교육장소	수강료	문의
군산외국인 주민 지원센터	사회통합 프로그램	합법 체류 외국인 및 3년 미만 귀화자	군산산업단지 복합문화센터 (분말3길 24)	단계별 10만원 (0단계 무료)	063-454-2635
전북외국인 근로자 지원센터	한국어교육 (TOPIK 초급, 중급)	외국인근로자 등	전북산학융합원 (산단남북로 189)	무료	1551-1195
오식도 평생학습센터	한국어교실	외국인 및 다문화 이주여성	오식도 평생학습센터 (분말3길 24)	3만원 (결혼이민자 무료)	063-454-2600
군산시 평생학습관	한국어교실 (기초반) 한국동화 & 동요에서 배우는 한국어	군산시 거주 다문화가정 (귀화자, 외국인) 및 가족	군산시 평생학습관 (황룡로 43)	무료	063-454-5960
군산 온누리 M센터	사회통합 프로그램	합법 체류 외국인 및 3년 미만 귀화자	군산온누리 M센터 (요죽안1길 57)	단계별 10만원 (0단계 무료)	0507-1355- 5287
	한국어교육 (토픽, 생활회화, 한글쓰기 등)	오식도동 외국인주민		무료	
군산시 가족센터	사회통합 프로그램	합법체류인, 3년미만 귀화자	군산시 가족센터 (축동1길 15-2)	단계별 10만원 (0단계 무료)	063-443-5300
	결혼이민자 역량강화지원 (자녀학습, 취업 준비, 토픽 대비)	결혼이민자, 중도입국자녀 등		무료	
	찾아가는 마을학당 (한국어초급반)	다문화가족, 외국인주민		무료	
군산대학교	사회통합 프로그램	합법체류인, 3년미만 귀화자	군산대학교 황룡문화관 3층 국제교류교육원 (대학로 558)	단계별 10만원 (0단계 무료)	063-469-4927
	한국어교육 (TOPIK, 생활회화, 한글쓰기 등)	외국인 유학생 및 외국인		학기당 130만원	

08 Học tiếng Hàn

Tên cơ quan	Tên chương trình	Đối tượng đào tạo	Địa chỉ đào tạo	Học phí	Liên hệ
Trung tâm Hỗ trợ cư dân nước ngoài Gunsan	Chương trình Hội nhập xã hội	Người nước ngoài cư trú hợp pháp và người đã nhập quốc tịch dưới 3 năm	Trung tâm Văn hóa tổng hợp khu công nghiệp Gunsan (24 Bunmeol 3-gil)	100.000 won/ cấp độ (cấp 0 miễn phí)	063-454-2635
Trung tâm Hỗ trợ lao động người nước ngoài Jeonbuk	Giảng dạy tiếng Hàn (TOPIK Sơ cấp, Trung cấp)	Lao động người nước ngoài, v.v.	Viện Liên kết Đại học – Doanh nghiệp Jeonbuk (189 Sandannam-buk-ro)	Miễn phí	1551-1195
Trung tâm Giáo dục thường xuyên Osikdo	Lớp tiếng Hàn	Người nước ngoài và phụ nữ di trú đa văn hóa	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Osikdo (24 Bunmeol 3-gil)	30 nghìn won (miễn phí cho người nhập cư kết hôn)	063-454-2600
Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thành phố Gunsan	Lớp tiếng Hàn (lớp cơ bản) Học tiếng Hàn qua truyện cổ tích và bài hát thiếu nhi Hàn Quốc	Gia đình đa văn hóa cư trú tại thành phố Gunsan (người nhập quốc tịch, người nước ngoài) và gia đình	Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Gunsan (43 Hwangryong-ro)	Miễn phí	063-454-5960
Trung tâm Gunsan Onnuri M	Chương trình hội nhập xã hội	Người nước ngoài cư trú hợp pháp và người nhập quốc tịch dưới 3 năm	Trung tâm Gunsan Onnuri M (57 Yojukan 1-gil)	100 nghìn won/ cấp độ (cấp 0 miễn phí)	0507-1355-5287
	Giảng dạy tiếng Hàn (TOPIK, hội thoại đời sống, viết chữ Hangeul, v.v.)	Người nước ngoài cư trú tại Osikdo-dong		Miễn phí	
Trung tâm Gia đình Thành phố Gunsan	Chương trình hội nhập xã hội	Người nước ngoài cư trú hợp pháp, người nhập quốc tịch dưới 3 năm	Trung tâm Gia đình thành phố Gunsan (15-2 Chukdong 1-gil)	100 nghìn won/ cấp độ (cấp 0 miễn phí)	063-443-5300
	Hỗ trợ nâng cao năng lực cho người nhập cư kết hôn (Việc học của con, chuẩn bị xin việc, luyện thi TOPIK)	Người nhập cư kết hôn, con cái nhập cư, v.v.		Miễn phí	
	Lớp học cộng đồng lưu động (Lớp tiếng Hàn sơ cấp)	Gia đình đa văn hóa, cư dân người nước ngoài		Miễn phí	
Đại học Gunsan	Chương trình hội nhập xã hội	Người nước ngoài cư trú hợp pháp, người nhập quốc tịch dưới 3 năm	Viện Giáo dục Giao lưu quốc tế, tầng 3, Tòa nhà Văn hóa Hwangryong, Đại học Gunsan (558 Daehak-ro)	100 nghìn won/ cấp độ (cấp 0 miễn phí)	063-469-4927
	Giảng dạy tiếng Hàn (TOPIK, hội thoại đời sống, viết chữ Hangeul, v.v.)	Du học sinh và người nước ngoài		1,3 triệu/ học kỳ	

09 생활법률

1. 무료 법률상담

- **대 상** 국내 거주 외국인, 대한민국 국민
- **지원내용** 주택임대차 분쟁상담, 손해배상, 계약 등 민사소송, 개인회생 · 파산신청 등
- **주 소** 전북특별자치도 군산시 검다메1길 64 영창빌딩 303호
- **문 의** 대한법률구조공단(군산출장소 ☎063-452-6696)(전화상담 ☎132)

2. 주택 계약 시

- **계약상대 확인** 계약서는 집주인과 작성
- **계약내용 확인** 거주기간, 보증금 액수, 월세 액수, 주택소유자(등기부등본 확인)
- **집 구하는 방법** 부동산 중개업소 이용 권장(확인사항, 계약시 필요서류, 법적인 문제 등)

3. 외국인 부동산 취득신고

- **부동산거래계약에 의한 부동산 취득의 경우**
 - 계약일로부터 30일 이내 취득신고(지연 시 최대 300만원의 과태료 부과)
- **상속 · 경매 등 계약 외 원인에 의한 부동산을 취득하는 경우**
 - 원인발생일로부터 6개월 이내 취득신고
- **문 의** 군산시 토지정보과(☎063-454-4082)

4. 주택 전 · 월세 임대차 신고제

- **신고대상** - 보증금 6천만원 또는 월세 30만원(관리비 등 제외한 월세)을 초과하는 임대차계약
 - 주택 임대차계약 당사자(임대인·임차인) 중 1인
- **신고방법** 계약 체결일로 30일 이내 관할 읍 · 면 · 동 행정복지센터 방문 또는 모바일·온라인(부동산거래신고 홈페이지) 신고
 - ※ 전입신고 시 계약서 제출로 의제처리 가능
 - 과태료 부과 규정 : 기간 내 미신고 시 2만원~30만원, 허위신고 시 100만원 등
- **문 의** 관할 읍 · 면 · 동 행정복지센터 / 부동산관리시스템 통합콜센터(☎1533-2949)

09 Pháp luật trong đời sống

1. Tư vấn pháp luật miễn phí

- **Đối tượng** : Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc, công dân Hàn Quốc
- **Nội dung hỗ trợ** : Tư vấn tranh chấp thuê nhà, bồi thường thiệt hại, kiện tụng dân sự liên quan đến hợp đồng, v.v., đăng ký phục hồi/phá sản cá nhân, v.v.
- **Địa chỉ** : Phòng 303, tòa nhà Yeongchang, 64 Geomdame 1-gil, Gunsan-si, Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk
- **Liên hệ** : Cơ quan Hỗ trợ pháp lý Hàn Quốc (Chi nhánh Gunsan ☎063-452-6696)
(Tư vấn điện thoại ☎132)

2. Khi ký hợp đồng thuê nhà ở

- **Xác nhận đối tượng hợp đồng** : Hợp đồng phải được ký với chủ nhà
- **Xác nhận nội dung hợp đồng** : Thời gian cư trú, số tiền đặt cọc, tiền thuê nhà hàng tháng, chủ sở hữu (kiểm tra sổ đăng ký đất đai)
- **Cách tìm nhà** : Khuyến khích sử dụng văn phòng môi giới bất động sản
(Những hạng mục cần kiểm tra, các giấy tờ cần thiết để ký hợp đồng, các vấn đề pháp lý, v.v.)

3. Khai báo sở hữu bất động sản đối với người nước ngoài

- **Trường hợp sở hữu bất động sản qua hợp đồng giao dịch bất động sản**
 - Khai báo sở hữu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
(nếu chậm trễ có thể bị phạt tới 3 triệu won)
- **Trường hợp sở hữu bất động sản lí do khác ngoài hợp đồng như thừa kế, đấu giá, v.v.**
 - Khai báo trong vòng 6 tháng kể từ ngày phát sinh nguyên nhân sở hữu
- **Liên hệ** : Phòng Thông tin đất đai thành phố Gunsan (☎063-454-4082)

4. Chế độ khai báo hợp đồng thuê nhà trả theo tháng/trả theo năm

- **Đối tượng khai báo**
 - Hợp đồng có tiền đặt cọc trên 60 triệu won hoặc tiền thuê tháng trên 300 nghìn won (không tính phí quản lý)
 - 1 trong hai bên đương sự của hợp đồng thuê nhà (chủ nhà hoặc người thuê) phải khai báo
- **Cách thức khai báo** : Đến Trung tâm Hành chính phúc lợi eup/myeon/dong khu vực hoặc khai báo trực tuyến (trang web khai báo giao dịch bất động sản) trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
 - ※ Khi đi đăng ký chuyển nơi ở, nếu nộp kèm hợp đồng sẽ được coi là đã khai báo
 - Quy định áp dụng mức phạt: Không khai báo trong thời gian quy định bị phạt từ 20 nghìn won ~ 300 nghìn won; khai báo gian lận bị phạt 1 triệu won, v.v.
- **Liên hệ** : Trung tâm Hành chính eup/myeon/dong khu vực
Trung tâm tư vấn tổng hợp Hệ thống quản lý bất động sản (☎1533-2949)

5. 지방세 납부

- **주민세(개인)** 7월 1일 현재 외국인 등록을 하고 1년 이상 체류하고 있는 외국인 / 매년 8월
- **자동차세** 차량소유자 / 매년 6월, 12월
- **재산세** 부동산소유자 / 매년 7월, 9월
- **납부방법** 고지서 납부 · 계좌이체(가상계좌) 납부 · 신용카드 및 간편결제앱 · 인터넷 납부 (wetax.go.kr)
- **문의** 군산시 세무과(☎063-454-2400)

6. 종합소득세 신고

- **과세대상** 이자소득, 배당소득, 사업소득, 근로소득(근로소득만 있는 자로서 연말정산한 경우 제외), 연금소득, 기타소득
- **신고기간** 5월 1일~31일
- **신고방법** 홈택스(hometax.go.kr) 온라인신고, 또는 관할 세무서 방문
- **문의** 군산세무서(☎063-470-3200)

10 기타정보

1. 운전면허 취득 방법

- **자국의 운전면허를 한국의 운전면허로 교환**
 - 서류 및 절차 안내
한국도로교통공단 안전운전통합민원 (<https://www.safedriving.or.kr/main.do>)
- **국제운전면허로 한국에서 운전(International Driving Permit)**
- **한국에서 운전면허시험을 통해 운전면허 취득**
 - 시험가능 언어 : 4개국어(한국어 · 영어 · 중국어 · 베트남어)
 - 운전면허 취득절차 : 도로교통안전공단 안전운전 통합민원 홈페이지(safedriving.or.kr)에서 확인

2. 전북외국인포털(myjb.or.kr)

- **내용** 외국인주민의 전북 정착을 위해 외국인 정책, 기초 생활 자료, 생활 교육, 자격증 교육, 현장 교육 신청, 국적취득 면접 대비 자료, 전북 홍보잡지 등 제공
- **지원언어** 한국어, 영어, 베트남어, 중국어, 몽골어, 네덜어, 캄보디아어, 태국어, 러시아어 등 9개 언어



5. Nộp thuế địa phương

- **Thuế cư trú (Cá nhân)** : Người nước ngoài hiện đã đăng ký người nước ngoài và cư trú trên 1 năm tính đến ngày 1 tháng 7 / Nộp vào tháng 8 hằng năm
- **Thuế ô tô** : Chủ sở hữu xe / Nộp vào tháng 6, tháng 12 hằng năm
- **Thuế tài sản** : Chủ sở hữu bất động sản / Nộp vào tháng 7, tháng 9 hằng năm
- **Cách thức nộp** : Nộp bằng hóa đơn, nộp qua chuyển khoản (tài khoản ảo), nộp bằng thẻ tín dụng và ứng dụng thanh toán tiện lợi, internet (wetax.go.kr)
- **Liên hệ** : Phòng Thuế vụ thành phố Gunsan (☎063-454-2400)

6. Khai báo thuế thu nhập tổng hợp

- **Đối tượng khai thuế** : Thu nhập từ lãi suất, thu nhập từ cổ tức, thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ lao động (trừ người chỉ có thu nhập từ lao động đã quyết toán thuế cuối năm), thu nhập từ lương hưu và các thu nhập khác
- **Thời gian khai báo** : Ngày 1 tháng 5 đến ngày 31 tháng 5
- **Cách thức khai báo** : Trực tuyến qua Hometax hoặc đến trực tiếp Chi cục Thuế phụ trách
- **Liên hệ** : Chi cục Thuế Gunsan (☎063-470-3200)

10 Thông tin khác

1. Hướng dẫn cấp giấy phép lái xe

- **Đổi giấy phép lái xe của nước mình sang giấy phép lái xe của Hàn Quốc**
 - Hướng dẫn hồ sơ và thủ tục
 - Trang dịch vụ hành chính tổng hợp lái xe an toàn, Cơ quan Giao thông đường bộ Hàn Quốc (<https://www.safedriving.or.kr/main.do>)
- **Lái xe tại Hàn Quốc bằng giấy phép lái xe quốc tế (International Driving Permit)**
- **Thi cấp giấy phép lái xe tại Hàn Quốc**
 - Ngôn ngữ dự thi: 4 ngôn ngữ (tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt)
 - Quy trình thi lấy giấy phép lái: Xem tại website dịch vụ hành chính tổng hợp lái xe an toàn của Cơ quan Giao thông Đường bộ (safedriving.or.kr)

2. Cổng thông tin người nước ngoài tỉnh Jeonbuk (myjb.or.kr)

- **Nội dung** : Cung cấp các thông tin hỗ trợ người nước ngoài định cư tại Jeonbuk như chính sách dành cho người nước ngoài, tài liệu đời sống cơ bản, giáo dục đời sống, đào tạo chứng chỉ, đăng ký đào tạo thực tế, tài liệu chuẩn bị phỏng vấn nhập quốc tịch, tạp chí quảng bá Jeonbuk, v.v.
- **Ngôn ngữ hỗ trợ** : tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Trung, tiếng Mông Cổ, tiếng Nepal, tiếng Campuchia, tiếng Thái Lan, tiếng Nga (9 ngôn ngữ)



Cổng thông tin người nước ngoài tỉnh Jeonbuk

3. 대중교통

구 분	성 인	청소년	어린이
현 금	1,700원	1,350원	850원
교통카드	1,650원	1,300원	800원

※ 세부사항은 군산시청 홈페이지 참고(<https://www.gunsan.go.kr/main>)

➔ 생활복지 > 교통안내 > 시내버스 > 시내버스 노선변경 안내

• 문의 군산시 교통행정과 ☎063-454-3782~4, 3786)

4. 쓰레기 배출방법

• 일반 쓰레기

- 배출일시 : 일요일~금요일 오후 6시~ 익일 오전 6시
- 배출방법 : 쓰레기 종량제봉투 담아서 각 가정(상가) 출입구 앞에 배출
- 종량제봉투 구입처 : 편의점, 인근 마트 등
- 문의 : 063-454-3452~3456

• 재활용품

- 배출일시 : (있는 경우 기재 요청)
- 배출방법 : 품목별(종이, 형광등, 플라스틱 등)로 내용물을 비우고 외관상 확인 가능한 투명봉투에 품목별로 담아서 배출 (비닐코팅 된 종이류, 1회용 기저귀, 깨진 형광등, 이물질이 들어 있는 유리병·플라스틱 등은 재활용 불가)
- 문의 : 063-454-3462~3464

• 음식물 쓰레기

- 배출방법 : 물기를 최대한 제거하고, 전용수거용기에 납부침을 꽂아 배출
(전용 수거 용기 판매업체 : 464-7866, 461-5888)
- ※ 동물의 알(달걀) 및 어패류의 껍데기, 과일류, 채소류 등의 껍질과 뿌리 등은 일반 쓰레기로 배출
- 문의 : 063-454-3462~3464

• 대형 폐기물

- 배출방법 : 종량제봉투 판매소에서 폐기물 스티커 구입·부착 후 배출
- 문의 : 동 지역 : 063-454-2943
읍·면 지역 : 063-454-7905 (※ 배출 시 연락)

3. Giao thông công cộng

Phân loại	Người lớn	Thanh thiếu niên	Trẻ em
Tiền mặt	1.700 won	1.350 won	850 won
Thẻ giao thông	1.650 won	1.300 won	800 won

※ Thông tin chi tiết tham khảo tại website của Thị chính thành phố Gusan (<https://www.gusan.go.kr/main>)

➔ Phúc lợi đời sống > Hướng dẫn giao thông > Xe buýt nội thành > Hướng dẫn thay đổi tuyến xe buýt

• **Liên hệ :** Phòng Hành chính Giao thông thành phố Gusan (☎063-454-3782~4, 3786)

4. Cách xử lý rác thải

• **Rác thải sinh hoạt**

- Thời gian vứt rác : 6:00 chiều ~ 06:00 sáng hôm sau, Chủ Nhật đến thứ Sáu
- Cách vứt rác : Bỏ vào túi đựng rác thải theo quy định và để trước cửa nhà (hoặc cửa hàng)
- Nơi mua túi đựng rác thải theo quy định: Cửa hàng tiện lợi, siêu thị gần nhà, v.v.
- Liên hệ : 063-454-3452~3456

• **Rác tái chế**

- Thời gian vứt rác : (Vui lòng nêu nếu có)
- Cách vứt rác : Làm sạch bên trong, cho vào túi trong suốt để dễ kiểm tra và vứt theo từng loại (giấy, bóng đèn huỳnh quang, nhựa, v.v.) (Không thể tái chế các loại như giấy tráng nilon, tã dùng một lần, bóng đèn huỳnh quang bị vỡ, chai thủy tinh hoặc nhựa có chứa tạp chất, v.v.)
- Liên hệ : 063-454-3462~3464

• **Rác thức ăn**

- Cách vứt rác : Loại bỏ hết nước, dán tem thanh toán vào thùng chứa chuyên dụng trước khi vứt (Đơn vị bán thùng chứa chuyên dụng: 464-7866, 461-5888)
- ※ Vỏ trứng và vỏ hải sản, vỏ và rễ các loại trái cây, rau củ, v.v. phải bỏ vào rác thải sinh hoạt
- Liên hệ : 063-454-3462~3464

• **Rác thải công kênh**

- Cách vứt rác : Mua tem rác tại nơi bán túi rác, dán vào vật dụng rồi đem vứt
- Liên hệ: Khu vực dong : 063-454-2943
Khu vực eup, myeon : 063-454-7905 (※ Gọi điện trước khi vứt)

11 생활편의

1. 긴급 전화 안내

긴급상황	전화번호
범죄 신고 (폭력, 밀수, 학대, 미아, 해킹 등)	112
구조 · 구급, 해양 · 전기 · 가스사고, 유해물질 유출 등	119
그 외 민원 상담	110

2. 기타 전화 안내

기관별 또는 내용별	전화번호	기관별 또는 내용별	전화번호
보건복지부 콜센터	129	국민건강보험공단	1577-1000
대한법률구조공단	132	정신건강상담	1577-0199
인권침해상담	1331	질병관리청 콜센터	1339
외교부 영사 콜센터	국내 02-3210-0404 해외 (82-2)3210-0404	고용노동부 상담센터	1350
한국산업인력공단 외국인력상담센터	1577-0071	소비자상담센터	1372

3. 외국인을 위한 통역 · 상담전화 안내

기관명	지원 내용	운영시간
다누리콜센터 1577-1366	20개 언어 통역, 민원안내, 폭력, 생활상담	365일 24시간
외국인종합안내센터 1345	20개 언어 생활상담 및 민원안내 (전화/방문/영상) *마을 변호사 연결도 가능	평일 09:00~22:00
한국관광공사 1330	관광 안내 8개 언어 (한국 · 영어 · 일본 · 중국 · 베트남 · 인도네시아 · 태국 · 러시아어)	365일 24시간
BBB KOREA (언어 · 통역 봉사단) 1588-5644	통역봉사자 연결(영어, 중국어 등 18개 언어)	365일 24시간



11 Tiện ích sinh hoạt

1. Số điện thoại khẩn cấp

Tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
Khai báo tội phạm (Bạo lực, buôn lậu, lạm dụng, trẻ em mất tích, tấn công mạng, v.v.)	112
Cứu hộ, cứu thương, tai nạn hàng hải, điện, gas, rò rỉ chất độc hại, v.v.	119
Tư vấn hành chính khác	110

2. Số điện thoại hỗ trợ khác

Cơ quan/Nội dung	Số điện thoại	Cơ quan/Nội dung	Số điện thoại
Tổng đài Bộ Y tế & Phúc lợi	129	Tổng công ty Bảo hiểm Y tế Quốc gia	1577-1000
Tổ chức trợ giúp pháp lý Hàn Quốc	132	Tư vấn sức khỏe tâm thần	1577-0199
Tư vấn vi phạm nhân quyền	1331	Tổng đài Cơ quan Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hàn Quốc	1339
Tổng đài lãnh sự Bộ Ngoại giao	Hàn Quốc: 02-3210-0404 Nước ngoài: (82-2)3210-0404	Trung tâm tư vấn Bộ Lao động	1350
Tổng đài tư vấn lao động nước ngoài, Cơ quan Phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc	1577-0071	Trung tâm tư vấn người tiêu dùng	1372

3. Số điện thoại phiên dịch, tư vấn cho người nước ngoài

Tên cơ quan	Nội dung hỗ trợ	Thời gian hoạt động
Tổng đài Danuri 1577-1366	Phiên dịch 20 ngôn ngữ, hướng dẫn thủ tục dân sự, tư vấn bạo lực, đời sống	24/7, 365 ngày
Trung tâm tư vấn tổng hợp người nước ngoài 1345	Tư vấn đời sống và hướng dẫn thủ tục dân sự bằng 20 ngôn ngữ (điện thoại/trực tiếp/video) * Có thể kết nối luật sư cộng đồng	Ngày thường 09:00-22:00
Tổng cục Du lịch Hàn Quốc 1330	Hướng dẫn du lịch 8 ngôn ngữ (Tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Thái, tiếng Nga)	24/7, 365 ngày
BBB KOREA (Đội tình nguyện viên ngôn ngữ và phiên dịch) 1588-5644	Kết nối tình nguyện viên phiên dịch (18 ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Trung, v.v.)	24/7, 365 ngày

4. 외국인주민 지원 기관 및 단체 현황

기관명	주소	연락처	주요 역할/업무
군산외국인주민 지원센터	군산시 분별3길 23	063-454-2635	생활 상담, 사회통합프로그램 및 전문상담 연계 지원 (노무·법률·체류 행정 등)
군산시 (인구대응담당관)	군산시 시청로 17	063-454-2633	군산외국인주민지원센터 운영, 사회통합프로그램 운영, E-7-4 전복 추천제, E-7-4 승급지원금
군산시 (여성가족청소년과)	군산시 시청로 17	063-454-3254	결혼이민자·다문화가족 가족센터운영및관리
군산시 (아동정책과)	군산시 시청로 17	063-454-3225, 3223	외국인 아동 보육료 지원
군산시 (수산산업과)	군산시 시청로 17	063-454-2893	계절근로(어업)
군산시 (농업정책과)	군산시 개정면 운화길 32	063-454-2836	계절근로(농업)
군산시 (보건소)	군산시 수송동로 58	063-454-5000	결핵관리 국가예방접종
군산의료원	군산시 의료원로 27	063-472-5000	외국인근로자 등 의료지원사업
군산시가족센터	군산시 구암3.1로 105	063-443-0053	결혼이민자·다문화가족 관련 사업 운영 한국어교육 사회통합프로그램 각종 상담
전북외국인근로자 지원센터	전주시 완산구 홍산로 276	1551-1195 (일~월요일 09:00~18:00)	전문가 상담(노무·법률·체류행정 등) 전북사랑키트 다국어상담(베트남, 미얀마, 몽골)
고용노동부 군산고용노동지청	군산시 조촌5길 44	063-450-0602, 0605, 0608	고용허가제, 외국인통역 임금체불 상담 등 지원
전주출입국 외국인사무소 군산출장소	군산시 대학로 151-1	1345	출입국·체류 관련 업무 문의
한국산업인력공단 전북서부지사	군산시 공단대로 197, 2층	063-731-5500	외국인근로자의 입국 및 귀국 단계 지원 통역 지원 사업장 및 외국인근로자 애로해소
전북특별자치도 군산교육지원청	군산시 조촌로 22	063-450-2623	외국국적 아동 초등학교 입학 중도입국청소년 입교(입학·취학) *해당 거주지의 학교에서도 상담 가능

4. Danh sách các cơ quan, tổ chức hỗ trợ cư dân người nước ngoài

Tên cơ quan	Địa chỉ	Liên hệ	Vai trò/Nhiệm vụ chính
Trung tâm hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gunsan	23 Bunmeol 3-gil, Gunsan-si	063-454-2635	Hỗ trợ tư vấn đời sống, chương trình hội nhập xã hội và kết nối tư vấn chuyên môn (lao động, pháp luật, thủ tục cư trú, v.v.)
Thành phố Gunsan (Chuyên viên phụ trách chính sách dân số)	17 Sicheong-ro, Gunsan-si	063-454-2633	Vận hành trung tâm hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gunsan, chương trình hội nhập xã hội, chế độ đề xuất E-7-4 Jeonbuk, Quỹ hỗ trợ năng hạng E-7-4
Thành phố Gunsan (Phòng Phụ nữ, gia đình và thanh thiếu niên)	17 Sicheong-ro, Gunsan-si	063-454-3254	Người nhập cư kết hôn, gia đình đa văn hoá Quản lý và vận hành trung tâm gia đình đa văn hóa
Thành phố Gunsan (Phòng Chính sách trẻ em)	17 Sicheong-ro, Gunsan-si	063-454-3225 063-454-3223	Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ em người nước ngoài
Thành phố Gunsan (Phòng Công nghiệp thủy sản)	17 Sicheong-ro, Gunsan-si	063-454-2893	Lao động thời vụ (ngành thủy sản)
Thành phố Gunsan (Phòng Chính sách nông nghiệp)	17 Sicheong-ro, Gunsan-si	063-454-2836	Lao động thời vụ (ngành nông nghiệp)
Thành phố Gunsan (Trung tâm Y tế)	58 Susongdong-ro, Gunsan-si	063-454-5000	Quản lý bệnh lao Tiêm chủng quốc gia
Trung tâm Y tế Gunsan	27 Uihakwon-ro, Gunsan-si	063-472-5000	Chương trình hỗ trợ y tế cho lao động người nước ngoài, v.v.
Trung tâm Gia đình thành phố Gunsan	105 Guam 3.1-ro, Gunsan-si	063-443-0053	Điều hành các dự án liên quan người nhập cư kết hôn, gia đình đa văn hóa Giảng dạy tiếng Hàn Chương trình hội nhập xã hội Tư vấn đa dạng
Trung tâm hỗ trợ lao động nước ngoài Jeonbuk	276 Hongsan-ro, Wansan-gu, Jeon-ju-si	1551-1195 (9:00~18:00)	Tư vấn chuyên gia (Lao động, pháp luật, thủ tục cư trú, v.v.) Bộ sản phẩm Jeonbuk Love Kit Tư vấn tổng quát
Văn phòng Việc làm và Lao động Gunsan, Bộ Việc làm và Lao động	44 Jochon 5-gil, Gunsan-si	063-450-0602, 0605, 0608	Hệ thống cấp phép lao động Phiên dịch cho người nước ngoài Hỗ trợ tư vấn nợ lương, v.v.
Văn phòng Xuất nhập cảnh, người nước ngoài Jeonju, Chi nhánh Gunsan	151-1 Daehak-ro, Gunsan-si	1345	Giải đáp thắc mắc liên quan đến vấn đề xuất nhập cảnh và cư trú
Cơ quan Phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc, chi nhánh Tây Jeonbuk	Tầng 2, 197 Gongdan-daero, Gunsan-si	063-731-5500	Hỗ trợ người lao động nước ngoài giai đoạn xuất nhập cảnh và hồi hương Hỗ trợ phiên dịch Giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động nước ngoài
Văn phòng Giáo dục Gunsan, Tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk	22 Jochon-ro, Gunsan-si	063-450-2623	Nhập học tiểu học cho trẻ em quốc tịch nước ngoài Đăng ký nhập học cho thanh thiếu niên di trú *Có thể tư vấn tại trường học nơi cư trú

군산외국인주민지원센터 오시는 길

Hướng dẫn đường đi đến Trung tâm Hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gunsan



외국인 재난문자 앱 다운로드

Tải ứng dụng tin nhắn khẩn cấp dành cho người nước ngoài
(EMERGENCY READY APP)

재난문자, 국민행동요령, 대사관, 대피소 정보 등 제공

Cung cấp thông tin tin nhắn cảnh báo thiên tai,
hướng dẫn ứng phó, thông tin đại sứ quán, nơi sơ tán, v.v.

